

Cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng ta chủ trương đưa miền Bắc Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1954 - 1975)

TS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

Trường Đại học Thương mại; Email: nguyenthilanhphuong.dhtm@gmail.com

Tóm tắt: Hiệp định Giơnevơ được ký kết (7/1954) đã chính thức kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam, miền Bắc được giải phóng. Dựa trên cơ sở lý luận của học thuyết Mác - Lênin, trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định đưa miền Bắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa.

Từ khóa: tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội; bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản.

1. Hoàn cảnh lịch sử

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, trên thế giới, các nước xã hội chủ nghĩa gia tăng về số lượng và đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, quân sự, khoa học - kỹ thuật đặc biệt là Liên Xô. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển mạnh ở châu Á, châu Mỹ La tinh, châu Phi. Phong trào hoà bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản. Sự phát triển của các phong trào này góp phần làm suy yếu chủ nghĩa thực dân cũ, phá vỡ các mảng thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Bên cạnh đó, với sự hùng cường sau chiến tranh thế giới thứ hai, Hoa Kỳ nuôi tham vọng làm bá chủ thế giới với việc tiến hành Chiến lược toàn cầu phản cách mạng được xây dựng và thực hiện xuyên suốt các đời tổng thống Mỹ. Ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ đã triển khai Chiến lược toàn cầu từ rất sớm, trong đó Việt Nam là một trọng điểm. Thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô và Mỹ.

Bối cảnh thế giới tác động mạnh mẽ đến Việt Nam. Theo Hiệp định Giơnevơ được ký kết (7/1954), hoà bình được lập lại ở ba nước Đông Dương. Nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia được công nhận. Theo Hiệp định, ở Việt Nam lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời chia đất nước làm hai miền. Các bên tham gia

ký kết Hiệp định thống nhất sau hai năm, tính đến 7/1956, sẽ tiến hành tổng tuyển cử tự do trên phạm vi cả nước để đi đến thống nhất Việt Nam.

Nhưng với âm mưu làm bá chủ thế giới, trước khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam kết thúc, đế quốc Mỹ đã từng bước can thiệp, tìm cách hắt cẳng Pháp ra khỏi Đông Dương, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. Một đặc điểm lớn của Việt Nam sau tháng 7/1954 là đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng. Miền Nam trở thành thuộc địa của đế quốc Mỹ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Nam tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, bắt đầu 21 năm trường kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Đối với miền Bắc, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền Bắc tiến hành nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xoá bỏ chế độ chiếm hữu phong kiến, thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng. Từ năm 1954 đến năm 1957, miền Bắc tiến hành tập trung khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh và tiến hành cải cách ruộng đất. Về cơ bản đến cuối năm 1957, nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành. Nhiệm vụ tiếp theo của cách mạng miền Bắc là gì?

Đại hội III của Đảng (9/1960) đã xác định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

Việt Nam. Vậy, Đảng đã căn cứ vào cơ sở lý luận cũng như thực tiễn thế giới và Việt Nam lúc đó để luận giải rõ ràng cho khả năng tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội của miền Bắc từ sau 7/1954?

2. Đảng khẳng định miền Bắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa

Việc hoàn thành nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã mở đường cho cách mạng miền Bắc bước sang một giai đoạn mới.

Thời kỳ đầu, ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng xác định nhiệm vụ của miền Bắc là tập trung củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân. Tại Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 12 (mở rộng) (3/1957) Đảng xác định cần giáo dục cho người dân trách nhiệm của mình trong công cuộc xây dựng miền Bắc nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân tiến dần lên chủ nghĩa xã hội^[1]. Chủ trương này là sự kế thừa quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội. Trong tác phẩm Thường thức chính trị được xuất bản năm 1954, Người đã nhấn mạnh, theo tiến trình phát triển, loài người sẽ tuần tự đi từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản và rồi đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản). Nhưng tùy hoàn cảnh, mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau. Có nước thì đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản) như Liên Xô. Có nước thì phải kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội (cộng sản) - như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam ta, v.v...^[2].

Nhưng sau đó, tại diễn văn khai mạc lớp học lý luận khoá I trường Nguyễn Ái Quốc ngày 7/9/1957, Hồ Chí Minh nói "từ khi hoà bình được lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, ta đã bước vào thời kỳ quá độ tiến dần lên chủ nghĩa xã hội"^[3]. "Ở miền Bắc, chúng ta đang ở trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội"^[3]. Tháng 1/1958, trong Chỉ thị số 70-CT/TW của Ban Bí thư đã khẳng định: "Ở miền Bắc, nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ đã kết thúc về căn bản, nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu"^[4].

Tháng 9/1960, Đại hội III của Đảng xác định: "Phương hướng tiến lên của cách mạng ở miền Bắc chỉ có thể là chủ nghĩa xã hội, chứ không thể là chủ

nghĩa tư bản"^[5] và đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của miền Bắc. Mặc dù, xuất phát điểm của miền Bắc rất thấp, đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế lạc hậu, chủ yếu sản xuất nông nghiệp, thủ công nhưng Đảng vẫn thể hiện quyết tâm khi khẳng định miền Bắc "có đủ điều kiện để bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội"^[6]. Ngay trong Chính cương vắn tắt của Đảng được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (2/1930) đã xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"^[7]. Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc "cách mạng tư sản dân quyền", "có tính chất thổ địa và phản đế". Sau đó sẽ tiếp tục "phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa"^[8]. Đại hội III, Đảng tiếp tục khẳng định miền Bắc có đủ điều kiện tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

3. Luận giải về miền Bắc có khả năng tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa

Đặc điểm lớn của cách mạng miền Bắc được xác định trong Đại hội III (1960) của Đảng là đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế vẫn chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, dựa trên sản xuất nhỏ, cá thể. Kinh tế tư bản chủ nghĩa chưa phát triển, công nghiệp mới phôi thai, công nghiệp nặng hầu như chưa có gì. Trong khi đó, cả nông nghiệp và thủ công nghiệp có tính chất phân tán lại chiếm phần lớn trong nền kinh tế quốc dân. Ngoài ra, hậu quả từ ách cai trị kéo dài của chế độ thực dân phong kiến cũng như chiến tranh đã khiến kinh tế miền Bắc bị tàn phá, trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật thấp. Đây là điểm rất khác với những nước đi lên chủ nghĩa xã hội đã thiết lập chế độ tư bản chủ nghĩa, đã có nền đại công nghiệp phát triển như Liên Xô hay một số nước Đông Âu. Xuất phát điểm thấp là khó khăn, lực cản lớn trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Nhưng chúng ta hoàn toàn có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa vì:

Thứ nhất, theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin có hai hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là quá độ trực tiếp từ những nước chủ nghĩa tư bản phát triển lên chủ nghĩa xã hội và quá độ gián tiếp từ những nước chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội. V.I. Lênin đã có quan điểm sáng tạo khi khẳng định không nhất thiết cứ phải đợi đến lúc chủ nghĩa tư bản phát triển ở mức độ cao mới có thể làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể diễn ra ở những nước tư bản phát triển ở mức trung bình, thậm chí ở những nước nông nghiệp lạc hậu, tất nhiên phải trong điều kiện chính quyền đã thuộc về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. V.I. Lênin đã chỉ ra rằng: “đối với các dân tộc lạc hậu hiện nay đang trên con đường giải phóng và sau chiến tranh đã có một bước tiến bộ, mà khẳng định rằng nền kinh tế quốc dân của những dân tộc đó nhất định phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta có cho như vậy là đúng hay không? Chúng tôi cho rằng không đúng”. Quốc tế Cộng sản còn phải xác định và chứng minh trên lý luận cho một nguyên tắc đó là: với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô-viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa⁽⁹⁾.

Thứ hai, xuất phát từ phân tích của Đảng về chủ nghĩa tư bản: “Chủ nghĩa tư bản là bóc lột, áp bức, đói rét, đau khổ. Giai cấp công nhân và nông dân lao động Việt Nam, sau khi đã đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc và tiêu diệt thế lực phong kiến ở miền Bắc, sau khi đã nắm được chính quyền Nhà nước trong tay, tất nhiên không thể lại đi vào con đường tư bản chủ nghĩa là con đường tự sát. Và lại, thời đại hiện nay không còn là thời đại của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn phát triển cao nhất của chủ nghĩa tư bản thì đang ở trong quá trình giãy chết không gì cứu vãn được⁽¹⁰⁾. Vì vậy, “cách mạng ở miền Bắc không thể đi vào con đường chết, mà phải đi vào con đường sống, phải đi lên chủ nghĩa xã hội⁽¹¹⁾”.

Thứ ba, đưa miền Bắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội cũng xuất phát từ yêu cầu của phong trào cách mạng cả nước và cách mạng thế giới. “Miền

Bắc càng tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội, lực lượng về mọi mặt của miền Bắc càng được tăng cường, thì càng có lợi cho cách mạng giải phóng miền Nam, cho sự phát triển của cách mạng cả nước, cho việc giữ gìn và củng cố hòa bình ở Đông Dương và trên thế giới⁽¹²⁾”.

Đế quốc Mỹ muốn biến Việt Nam thành bàn đạp chống lại phe xã hội chủ nghĩa, phá hoại phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á, phá hoại hòa bình thế giới. Nếu miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội vững vàng, đạt được nhiều thành tựu thì càng có khả năng ngăn chặn âm mưu gây chiến và xâm lược của đế quốc Mỹ, giữ gìn củng cố hòa bình ở Đông Dương, cổ vũ mạnh mẽ phong trào độc lập dân tộc và góp phần tăng cường lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Thứ tư, từ sự phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã hình thành và lớn mạnh trên thế giới. Công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô đạt được thành tựu lớn trên tất cả phương diện. Năm 1957, Liên Xô phóng vệ tinh nhân tạo. Năm 1960, Liên Xô đưa con người lần đầu tiên vào vũ trụ. Những sự kiện đặc biệt, cùng với sự lớn mạnh chung đã thể hiện sự phát triển mạnh mẽ của Liên Xô, góp phần củng cố niềm tin của các nước xã hội chủ nghĩa vào sự thành công và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa thừa nhận vai trò trụ cột, thành trì về mọi mặt của Liên Xô, thừa nhận những kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Liên Xô là những kinh nghiệm có tính chất phổ biến. Trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội III (9/1960) đã nhận định: “Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên Xô vĩ đại đứng đầu đã lớn mạnh vượt bậc và đã trở thành nhân tố quyết định trong sự phát triển của tình hình quốc tế. Lực lượng so sánh trên thế giới đã biến đổi một cách căn bản, ưu thế rõ rệt đã thuộc về các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập, dân tộc và yêu chuộng hoà bình⁽¹³⁾”.

Đảng nhận định thời đại hiện nay là thời đại của chủ nghĩa xã hội đang chiến thắng. “Đó là một thuận lợi căn bản cho công cuộc cải tạo xã hội chủ

nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, bảo đảm cho miền Bắc có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội⁽¹⁴⁾.

Thứ năm, từ thực tiễn cuộc đấu tranh giai cấp ở miền Bắc. Tính đến năm 1960, kinh tế tư bản chủ nghĩa tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc ở miền Bắc thực sự không lớn mạnh, nếu không muốn nói là cả số lượng, vị thế kinh tế, chính trị đều nhỏ yếu. Trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, họ đã từng là bạn đồng minh của giai cấp công nhân. Khi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hoàn thành ở miền Bắc, những thành phần này về cơ bản vẫn tán thành cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc, không có sự phản kháng gay gắt, mạnh mẽ nên rất có khả năng tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, chúng ta có chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo, có liên minh công nông bền chặt, được quần chúng nhân dân ủng hộ nên miền Bắc có thể tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh một cách hòa bình. Miền Bắc lại có sự thêm sự hỗ trợ của phe xã hội chủ nghĩa nên miền Bắc có thể chuyển ngay sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa mà không cần qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Ngay từ khi ra đời, Đảng đã khẳng định cách mạng Việt Nam sau khi hoàn thành cách mạng tư sản dân quyền sẽ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng lúc đó, chủ nghĩa xã hội là mục tiêu hướng tới. Sau 7/1954, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trở thành nhiệm vụ trực tiếp của miền Bắc. Chủ trương đưa miền Bắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa thể hiện sự kiên định, niềm tin của Đảng về con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, được khẳng định từ những ngày đầu thành lập Đảng. Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển đất nước duy nhất phù hợp với yêu cầu phát triển của cả dân tộc, của xu thế phát triển thời đại.

Tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa từ một nước nông nghiệp lạc hậu được Đảng xác định là đặc điểm lớn nhất của miền Bắc trong thời kỳ quá độ. Dù xuất phát điểm thấp là rào cản rất lớn nhưng Đảng đã căn cứ vào học thuyết Mác - Lênin, dựa vào thực tế

của đất nước và dựa vào những thuận lợi của quốc tế để luận giải rõ ràng miền Bắc có đủ điều kiện để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, Đảng nhận thức rõ mỗi nước có đặc điểm riêng nên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc không thể giống các nước khác như Liên Xô hay Đông Âu. Đây chính là những cơ sở để Đảng xác định nội dung nhiệm vụ cụ thể cần tiến hành của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giai đoạn 1954 - 1975.

Trong giai đoạn 1954 - 1975, Đảng chưa đề cập rõ việc bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là như thế nào. Nội dung này đã dần được Đảng làm rõ ở các kỳ Đại hội sau. Tại Đại hội XI (2011), Đảng khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại⁽¹⁵⁾. Tuy vậy, chúng ta có thể khẳng định chủ trương đưa miền Bắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa cùng những căn cứ luận giải cho khả năng đó đã góp phần làm sáng tỏ hơn nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - một vấn đề lý luận mang tính tổng quát, bao trùm trong cách mạng xã hội chủ nghĩa./.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Văn kiện Đảng, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.18, tr.280.

(2) Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh*, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.8, tr.293.

(3) Hồ Chí Minh, Toàn tập, *Sđđ*, T.11, tr.91.

(4) Văn kiện Đảng, Toàn tập, *Sđđ*, T.19, tr.25.

(5), (6), (10), (11), (12), (13), (14) Văn kiện Đảng, Toàn tập, *Sđđ*, T.21, tr.505; tr.531, tr.505 - 506, tr.506, tr.509, tr.495, tr.530.

(7) Văn kiện Đảng, Toàn tập, *Sđđ*, T.2, tr.2.

(8) Văn kiện Đảng, Toàn tập, *Sđđ*, T.2, tr.98.

(9) V.I.Lênin (1977), V.I.Lênin, Toàn tập, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, T.41, tr.295.

(15) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.21.